

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
T PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, T PHỐ HẢI PHÒNG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đức Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Chí Linh.

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT: Lô 84 Khu tái định cư Đ 1, tổ 18, phường T, quận H, T phố H; nơi ở hiện nay: Tổ 17, ngõ 143 Nguyễn Văn Hới, phường T, T phố H. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; nơi ĐKKHKT: Lô 84 Khu tái định cư Đ, tổ 18, phường T, quận H, T phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào tháng 10/2000, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian dài, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Ngoài ra, anh T ham mê cờ bạc, bán hết tài sản trong gia đình, chủ nợ đến đòi nợ, đe dọa làm ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình, tình cảm vợ chồng từ đó phai nhạt dần. Chị T đã khuyên nhủ nhiều lần, nhưng anh T không nghe mà vẫn tiếp tục con đường cũ. Chính vì vậy, cuộc sống vợ chồng không cải thiện được tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị T xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Vũ Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 06/10/2000. Hiện tại cháu Đ đang sống cùng chị T, cháu Đ đã đủ 18 tuổi, trưởng T và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T có quan điểm xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nên chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong đơn khởi kiện và bản tự khai của mình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, tiến hành tổ chức phiên tiếp cận chứng cứ, hòa giải anh Nguyễn Văn T đều vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết theo quy định của pháp luật và đến thời điểm phiên tòa mở lại anh Nguyễn Văn T cũng không có quan điểm khai nhận về nội dung khởi kiện của chị T, tiếp tục vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; Bị đơn đã không chấp hành qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời phát biểu quan điểm về nội dung giải quyết vụ án trên cơ sở đánh giá, phân tích về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định của pháp luật.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T vẫn đang cư trú tại: Lô 84 Khu tái định cư Đ 1, tổ 18, phường T, quận H, thành phố H. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét anh Nguyễn Văn T và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H vào tháng 10/2000. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa anh T, chị T là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương, trên cơ sở ý kiến của tổ dân phố, bên gia đình chị T, anh T đều có quan điểm cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nguyên nhân bất đồng trong sinh hoạt, lối sống, đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần gây ảnh hưởng cho gia đình phải bỏ trốn, vợ chồng đã ly thân. Mặt khác, bản thân anh T có mặt nộp đơn tại Tòa án đề nghị giải quyết công nhận thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T cố tình trốn tránh không khai báo, không đến Tòa án. Điều này thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật của anh T, cũng đồng thời làm rõ việc mâu thuẫn giữa anh T, chị T là có thật. Từ đó cho thấy lời khai của chị T trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại các văn bản khác là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh T, chị T đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, nếu kéo dài tình trạng gia đình như hiện tại chỉ gây khó khăn, cản trở cho cuộc sống của mỗi người.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị T với anh Nguyễn Văn T là có căn cứ, phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 06/10/2000. Hiện tại cháu Đ đang sống cùng chị T, tại thời điểm xét xử cháu Đ đã đủ 18 tuổi, trưởng T và có khả năng lao động. Ngoài ra, trước khi kết hôn với chị T, anh T đã kết hôn với chị Nguyễn Thị H (chị H đã chết), giữa chị H, anh T có 01 con riêng là Nguyễn Văn T, sinh ngày 14/8/1990 đã xây dựng gia đình và đang sống tại phường V, quận N, thành phố H. Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm về nuôi con chung. Xét các tài liệu có trong hồ sơ, xác định vợ chồng anh T, chị T có 01 con chung như chị T đã nêu là chính xác, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có quan điểm về tài sản. Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó, về tài sản chung, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 19, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 3; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 06/10/2000. Hiện tại cháu Đ đang sống cùng chị T, tại thời điểm xét xử cháu Đ đã đủ 18 tuổi, trưởng T và có khả năng lao động. Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có quan điểm về nuôi con chung. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T vắng mặt tại phiên tòa, không có quan điểm về tài sản. Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu: AA/2014 số: 0016607 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải An, T phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND phường Đông Hải 1;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đức Hoàng